

Số: /TB-CNCCN

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về các lĩnh vực: Đầu tư, xây dựng và môi trường, lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm đối với doanh nghiệp trong các KCNC&KCN năm 2025 (đợt 1)

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch số 20/KH-BQL ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (nay là Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp TP Hà Nội) về việc kiểm tra tình hình sản xuất, kinh doanh, lao động và chấp hành quy định pháp luật về Đầu tư, Quy hoạch xây dựng, Bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác đối với doanh nghiệp trong các KCN năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 119/QĐ-CNCCN ngày 18/4/2025 của Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội về việc Thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về các lĩnh vực: Đầu tư, xây dựng và môi trường, lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp năm 2025.

Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội (Ban Quản lý) thông báo Kế hoạch kiểm tra như sau:

1. Danh sách các dự án, thời gian và địa điểm kiểm tra: (Theo Danh sách chi tiết gửi kèm)

2. Nội dung kiểm tra

2.1. Kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về các lĩnh vực: Đầu tư, xây dựng và môi trường, lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp năm 2025 (Đề cương kiểm tra gửi kèm);

2.2. Làm rõ nguyên nhân, xác định vi phạm của nhà đầu tư đối với những tồn tại, khuyết điểm, sai sót, vi phạm (nếu có) trong việc thực hiện.

2.3. Kiến nghị các biện pháp nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả của hoạt động quản lý đối với các dự án.

3. Thành phần kiểm tra

- Thành phần Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 119/QĐ-CNCCN ngày 18/4/2025 của Trưởng ban về việc Thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành các quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp thực hiện dự án hoặc cá nhân được ủy quyền (**Văn bản ủy quyền kèm theo**); các cá nhân khác có liên quan (nếu có).

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Phòng Quản lý Doanh nghiệp (Đơn vị chủ trì)

- Xây dựng văn bản thông báo kế hoạch kiểm tra kèm theo Đề cương báo cáo của doanh nghiệp.

- Đơn đốc các doanh nghiệp được kiểm tra gửi Báo cáo kiểm tra về Ban Quản lý trước ít nhất 03 ngày được kiểm tra.

- Tiến hành kiểm tra hiện trạng, hồ sơ việc chấp hành các quy định của pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi kiểm tra (có đánh giá, kiến nghị, đề xuất) trình Trưởng ban ký ban hành theo quy định.

- Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm hành chính trong các lĩnh vực kiểm tra (nếu có);

- Hoàn tất hồ sơ kiểm tra để lưu theo quy định.

4.2. Văn phòng Ban Quản lý

- Có trách nhiệm gửi Thông báo kiểm tra đến doanh nghiệp được kiểm tra;

- Bố trí phương tiện và kinh phí theo quy định phục vụ Đoàn kiểm tra theo danh sách doanh nghiệp tại Thông báo này.

4.3. Các phòng chuyên môn liên quan của Ban Quản lý

- Cử cán bộ chuyên môn phối hợp với Phòng Quản lý Doanh nghiệp tiến hành kiểm tra hiện trạng, hồ sơ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về đề xuất, kiến nghị xử lý tồn tại của doanh nghiệp (nếu có).

- Đơn đốc các doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tài liệu (nếu có) gửi về Ban Quản lý theo yêu cầu tại Biên bản kiểm tra.

4.4. Các Doanh nghiệp (Đối tượng được kiểm tra)

- Có trách nhiệm gửi hồ sơ, tài liệu, báo cáo theo Đề cương gửi kèm và thời hạn theo yêu cầu của Kế hoạch kiểm tra, báo cáo theo đề cương gửi về Ban Quản lý trước thời hạn kiểm tra 03 ngày.

- Bố trí địa điểm làm việc và phối hợp để công tác kiểm tra đạt hiệu quả.

- Trao đổi kết quả kiểm tra, hoàn chỉnh và ký biên bản về những nội dung đã kiểm tra, kiến nghị biện pháp khắc phục những thiếu sót.

- Bổ sung kịp thời hồ sơ, tài liệu (nếu có) gửi về Ban Quản lý theo yêu cầu và thời gian tại Biên bản kiểm tra.

Ban Quản lý Thông báo để Đơn vị được biết và nghiêm túc thực hiện. Các vấn đề liên quan đề nghị đơn vị liên hệ Phòng Quản lý Doanh nghiệp - Ban Quản lý (số 04 - phố Vũ Trọng Khánh, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội - ĐT: 0983941769 (ông Tạ Hoàng Hải) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Danh sách DN gửi kèm;
- Trưởng Ban; (để B/c)
- Lãnh đạo Ban;
- VP, P.HTĐT, XDMT, CSTT (để phối hợp);
- Lưu: VT, QLDN.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Trần Anh Tuấn

Hà Nội, ngày....tháng...năm 20..

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo giám sát tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về các lĩnh vực: Đầu tư, xây dựng và môi trường, lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm của Công ty:..... năm 2025.

(Kèm theo Thông báo số:...../TB-CNCCN ngày... tháng... năm 20.. về việc kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về các lĩnh vực: Đầu tư, xây dựng và môi trường, lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm của doanh nghiệp trong các KCNC&KCN năm 2025)

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao và Khu Công nghiệp Tp. Hà Nội

(Tổ chức kinh tế thực hiện dự án) báo cáo quá trình thực hiện dự án *(số liệu đến thời điểm báo cáo)* như sau:

PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Mã số dự án/ Số Giấy chứng nhận đầu tư.....Ngày cấp:..... Cơ quan cấp GCNĐKĐT:.....
3. Địa điểm thực hiện dự án:
4. Tổng vốn đầu tư đăng ký:.....
5. Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án:.....
6. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....ngày cấp lần đầu:.....
7. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: *(Số, ngày cấp, cơ quan cấp)*
8. Địa chỉ trụ sở chính:.....
9. Diện tích lô đất: (m2)
10. Giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất:
11. Loại, cấp công trình XD:
12. Nội dung và quy mô:
(Ghi rõ quy mô hiện trạng từng hạng mục công trình, công trình về diện tích xây dựng, diện tích sàn xây dựng, số tầng, chiều cao công trình, mật độ xây dựng, tỷ lệ cây xanh.)
13. Điện thoại liên hệ:
14. Hình thức quản lý dự án:
15. Thời gian thực hiện:

(Ghi rõ thời gian hoàn thành từng hạng mục công trình, công trình XD).

16. Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu.

17. Đại diện DN: DD:.....

18. Tổ chức công đoàn cơ sở (có/không):

19. Tổng số người lao động được tuyển mới năm 2025:

20. Tổng số người lao động dự kiến tuyển mới năm 2026:.....

PHẦN B: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ:

1. Tình hình thực hiện dự án đầu tư:

Tên chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu thực hiện năm báo cáo	Số liệu cộng dồn từ khi được cấp/điều chỉnh GCNĐKĐT đến thời điểm báo cáo
I. Vốn đầu tư thực hiện ($I = 1 + 2 + 3$)	USD		
1. Vốn góp (liệt kê theo từng nhà đầu tư)	USD		
1.1. Nhà đầu tư Việt Nam			
Tên nhà đầu tư thứ nhất	USD		
Mã số thuế nhà đầu tư thứ nhất			
<i>Chia ra:</i>			
- Bằng tiền	USD		
- Máy móc, thiết bị	USD		
- Tài sản khác	USD		
Tên nhà đầu tư tiếp theo	USD		
Mã số thuế nhà đầu tư tiếp theo			
.....	USD		
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	USD		
Tên nhà đầu tư thứ nhất	USD		
Mã số thuế/số Quyết định thành lập/số hộ chiếu của nhà đầu tư thứ nhất			
<i>Chia ra:</i>			
- Bằng tiền	USD		
- Máy móc, thiết bị	USD		
- Tài sản khác	USD		
Tên nhà đầu tư tiếp theo			
Mã số thuế/số Quyết định thành lập/số hộ chiếu của nhà đầu tư tiếp theo			
.....			
2. Vốn vay	USD		
Vay trong nước	USD		
Vay từ công ty mẹ ở nước ngoài	USD		

Vay nước ngoài khác	USD		
3. Lợi nhuận tái đầu tư	USD		
II. Doanh thu thuần	USD		X
III. Giá trị hàng xuất khẩu	USD		
IV. Giá trị hàng nhập khẩu	USD		
V. Số lao động hiện có đến thời điểm báo	người		
1. Lao động Việt Nam,	người		
2. Lao động nước ngoài	người		
VI. Thu nhập bình quân của người lao động 1 tháng	Triệu VNĐ		
VII. Thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước	USD		
VIII. Lợi nhuận sau thuế	USD		
IX. Chi phí đầu tư, nghiên cứu và phát triển	USD		
X. Chi phí đầu tư xử lý và bảo vệ MT	USD		
XI. Nguồn gốc công nghệ sử dụng (quốc gia xuất xứ của máy móc, thiết bị chính được sử dụng).			

***Ghi chú:**

- Vốn vay = tổng vay trong kỳ trừ số trả nợ trong kỳ (bao gồm cả vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn)

- Đối với các dự án của nhà đầu tư trong nước, dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư bằng Việt Nam đồng thì đơn vị báo cáo là “Triệu VNĐ”

- Không báo cáo vào các ô đánh dấu “X”.

2. Việc chấp hành quy định về chế độ báo cáo:

- Báo cáo về hoạt động đầu tư;
- Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.

3. Cập nhật khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án

- Khó khăn, thuận lợi trong quá trình thực hiện dự án;
- Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

II. LĨNH VỰC XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG.

1. Tình hình triển khai hạ tầng Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp (Dành cho các chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCNC&KCN).

1.1. Khái quát chung về dự án ĐTXD hạ tầng KCNC&KCN:

(Nêu rõ quá trình hình thành, phát triển KCNC&KCN; Các văn bản pháp lý chính về giao đất, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, giấy phép xây dựng,...)

1.2. Tình hình thực hiện dự án đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng KCNC&KCN:

1.2.1. Các hồ sơ pháp lý:

- Các Quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, quyết định thành lập KCNC&KCN.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi, bản vẽ quy hoạch chi tiết...

1.2.2. Kết quả thực hiện đầu tư hạ tầng:

TT	Hạng mục	ĐVT (Công suất)	Khối lượng theo quy hoạch được duyet	Khối lượng đã thực hiện	Khối lượng còn lại cần thực hiện		
					Khối lượng	Vị trí	Kế hoạch thực hiện
I.	Công tác GPMB						
1	Diện tích KCNC&KCN theo quy hoạch được duyet						
2	Diện tích đất đã được giao (Kê theo từng quyết định giao đất)						
	- Theo Quyết định giao đất số						
	-						
3	Diện tích đất đã thu hồi						
4	Diện tích đất còn lại phải thu hồi						
II	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật						
1	Đường giao thông cùng vía hè, đường cho người đi bộ (nếu có)						
	- Đoạn tuyến, mặt cắt ngang						
	-						
2	Hệ thống chiếu sáng						
	- Đoạn tuyến						
	-						
3	Hệ thống cấp nước						
4	Hệ thống thoát nước thải						

	- Đoạn tuyến loại						
	-						
	Hệ thống thoát nước mưa						
5	- Đoạn tuyến loại						
	-						
6	Hệ thống cấp điện						
7	Trạm cấp nước sạch						
8	Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường:						
8.1	Trạm xử lý nước thải tập trung:						
-	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:						
-	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:						
8.2	Kho lưu giữ chất thải thông thường:						
8.3	Kho lưu giữ chất thải nguy hại:						
8.4	Kho lưu giữ chất thải sinh hoạt:						
8.5	Hệ thống xử lý khí thải: Số lượng công trình xử lý khí thải. Tổng lưu lượng phát sinh khí thải: m ³ /h						
9	Cây xanh dọc các tuyến đường						
	- Đoạn tuyến						
	-						
10	Phân cây xanh cách ly						
							
III	Các hạng mục khác ngoài dự án được duyet theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền						

Khó khăn, vướng mắc:

.....

1.3. Tình hình thu hút đầu tư:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Diện tích đã xây dựng theo quy hoạch được duyệt	Diện tích đất còn lại	Vị trí
1	Diện tích đất công nghiệp đã xây dựng cơ sở hạ tầng	Ha			
2	Diện tích đất công nghiệp do Nhà nước giao đất trực tiếp cho doanh nghiệp thứ phát thuê	Ha			
3	Diện tích đất công nghiệp do Công ty hạ tầng cho thuê lại	Ha			
4	Diện tích đất còn trống	Ha			

Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện đầu tư kinh doanh hạ tầng:.....

1.4. Kết quả thực hiện chỉnh trang KCNC&KCN, kế hoạch thực hiện năm 2025 và các năm tiếp theo:

1.4.1. Kết quả thực hiện chỉnh trang KCNC&KCN đến giai đoạn hiện nay.

1.4.2. Kế hoạch thực hiện năm 2025 và các năm tiếp theo.

1.5. Đánh giá chung

- Những mặt tích cực:
- Khó khăn, tồn tại:
- Nguyên nhân khách quan, chủ quan:

1.6. Kế hoạch trọng tâm trong thời gian tới

1.7. Kiến nghị.

2. Tình hình thực hiện xây dựng của dự án (Dành cho các doanh nghiệp thứ phát trong các KCNC&KCN).

2.1. Tình hình thực hiện dự án.

2.1.1. Công tác chuẩn bị đầu tư:

Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng để xem xét, quyết định đầu tư xây dựng và thực hiện các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án, cần nêu rõ và cung cấp các thành phần hồ sơ chính của các giai đoạn thuộc dự án sau:

- Hồ sơ, bản vẽ Tổng mặt bằng hiện trạng tỷ lệ 1/500 kèm theo văn bản số... ngày... tháng... năm;

- Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán (nếu có) tại văn bản số... ngày... tháng... năm;

- Giấy phép xây dựng và bản vẽ thiết kế kèm theo;

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy.

2.1.2. Công tác thực hiện dự án:

- Thông báo khởi công xây dựng hạng mục công trình, công trình; Tiến độ thực hiện theo giấy phép xây dựng và giấy chứng nhận đầu tư;

- Việc thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, phòng cháy và chữa cháy cần nêu rõ và cung cấp các tài liệu sau:

+ Các biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình;

+ Thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

+ Bản vẽ hoàn công hạng mục công trình, công trình xây dựng.

2.1.3. Kết thúc dự án:

Quyết toán hợp đồng xây dựng, bảo hành công trình xây dựng.

2.2. Nhận xét.

- Khó khăn, thuận lợi trong quá trình thực hiện dự án:

- Ưu điểm, tồn tại trong quá trình thực hiện dự án:

- Kiến nghị, đề xuất:

3. Tình hình chấp hành các quy định pháp luật về môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

3.1. Các thông tin chung.

- Cán bộ phụ trách môi trường:.....Số điện thoại:..... Email:.....

3.2. Tình hình hoạt động, triển khai dự án.

- Diện tích thuê đất:

- Cho thuê nhà xưởng (nếu có):

- Thời gian bắt đầu triển khai dự án:..... Thời gian đi vào hoạt động:.....

- Loại hình sản xuất, kinh doanh hiện nay:.....

- Quy mô, công suất (theo Quyết định phê duyệt ĐTM/Giấy phép môi trường đã được cấp):.....

- Công suất thực tế hiện nay:.....

- Quy trình công nghệ sản xuất của dự án kèm theo dòng thải (cần so sánh theo Quyết định phê duyệt ĐTM/ hoặc tài liệu tương đương):.....

- Nguyên, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất:.....

- Các thông tin khác nếu có:.....

3.3. Nội dung về công tác bảo vệ môi trường

3.3.1. Thủ tục pháp lý môi trường của Dự án:

- Quyết định phê duyệt ĐTM/Kế hoạch BVMT : số...ngày...tháng...năm... cơ quan cấp....
- Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT (nếu có): số...ngày...tháng...năm... cơ quan cấp....
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước (nếu có): số...ngày...tháng...năm... cơ quan cấp....
- Giấy phép môi trường (nếu có): số...ngày...tháng...năm... cơ quan cấp....
- Sổ đăng ký nguồn thải : mã số... do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày ... tháng... năm...
- Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, CTR thông thường và chất thải sinh hoạt,...

3.3.2. Tình hình thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường:

- Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường:
 - + Hệ thống xử lý nước thải sản xuất: có/không? Bao nhiêu m³?
 - + Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: có/không? Bao nhiêu m³?
 - + Kho lưu giữ chất thải thông thường: có/không? Bao nhiêu m²?
 - + Kho lưu giữ chất thải nguy hại: có/không? Bao nhiêu m²?
 - + Kho lưu giữ chất thải sinh hoạt: có/không? Bao nhiêu m²?
 - + Hệ thống xử lý khí thải: có/không? Số lượng công trình xử lý khí thải. Tổng lưu lượng phát sinh khí thải: m³/h
- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

3.3.3. Tình hình phát sinh chất thải và biện pháp xử lý, giảm thiểu trong quá trình hoạt động

a. Nước cấp:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng cho hoạt động sản xuất (nước giếng khoan:.....m³/ngày, nước máy: ...m³/ngày)
- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng cho sinh hoạt (nước giếng khoan:.....m³/ngày, nước máy: ...m³/ngày).

b. Nước thải

*** Nước thải sinh hoạt**

- Nguồn phát sinh: liệt kê dòng thải
- Lưu lượng trung bình: m³/ ngày.
- Giải pháp xử lý:.....; công suất hệ thống: ... m³/ ngày.đêm
- Đã đầu nối/tự xử lý và xả thải trực tiếp:

- Hợp đồng đầu nối chủ đầu tư hạ tầng KCN hoặc các đơn vị khác (nếu có)
- Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý:...

** Nước thải sản xuất:*

- Nguồn phát sinh: liệt kê dòng thải
- Khối lượng trung bình: m³/ ngày
- Giải pháp xử lý:.....; công suất hệ thống: ... m³/ ngày.đêm
- Đã đầu nối/tự xử lý và xả thải trực tiếp:
- Hợp đồng đầu nối chủ đầu tư hạ tầng KCN hoặc các đơn vị khác (nếu có)
- Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý:...

c. Tiếng ồn, Khí thải

- Nguồn phát sinh: liệt kê dòng thải.
- Giải pháp xử lý:.....
- Số lượng hệ thống xử lý khí thải:....
- Tổng lưu lượng phát sinh khí thải:m³/h.
- Kết quả phân tích chất lượng tiếng ồn, khí thải sau xử lý:...

d. Chất thải nguy hại

- Nguồn, thành phần và khối lượng phát sinh theo tháng
- Biện pháp phân loại, lưu giữ tạm thời (nêu rõ số lượng, thể tích, quy cách của thùng chứa, kho lưu giữ, tần suất thu gom...)
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định

e. Chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt

- Nguồn, thành phần và khối lượng phát sinh theo tháng
- Biện pháp phân loại, lưu giữ tạm thời (nêu rõ số lượng, thể tích, quy cách của thùng chứa, kho lưu giữ, tần suất thu gom...)
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định

g. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):.....

3.3.4. Kết quả thực hiện chương trình giám sát môi trường đối với nước thải, khí thải, tiếng ồn,...

- Báo cáo cụ thể về vị trí lấy mẫu, tần suất, thông số quan trắc, đối chiếu quy chuẩn hiện hành.
- Báo cáo biện pháp đã khắc phục đối với những thông số phân tích bị vượt so với quy chuẩn quy định.

3.4. Nội dung khác: Dự án có thay đổi, điều chỉnh gì so với nội dung Báo cáo ĐTM và Quyết định duyệt báo cáo ĐTM/ hoặc các tài liệu tương đương khác

3.5. Khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp (nếu có).

III. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG; AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

1. Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1. Chấp hành chế độ báo cáo

Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 2025 trên phần mềm quản lý doanh nghiệp của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất HN (Doanh thu, xuất khẩu, nhập khẩu, lao động, nộp ngân sách);

2.2. Dự báo sản xuất kinh doanh năm 2026.

2. Tình hình thực hiện pháp luật về Lao động, BHXH.

2.1. Các loại báo cáo định kỳ theo quy định

- Báo cáo thay đổi lao động;
- Báo cáo hàng quý về sử dụng lao động nước ngoài;
- Báo cáo về tai nạn vệ sinh lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (nếu có);

- Báo cáo an toàn, vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động.

2.2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Số lao động tuyển mới từ đầu năm 2024 đến thời điểm báo cáo.
- Phương thức tuyển, quy chế tuyển dụng lao động:
- Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

- Thời gian thử việc người lao động
- Thực hiện ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề.
- Số người không thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động.
- Số người thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động.
- Tổng số lao động đã ký HĐLĐ, trong đó: (*Lao động nữ*)
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng.
 - + Hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng.
 - + Hợp đồng lao động có thời hạn dưới 03 tháng.
 - + Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian.
- Số Lao động người nước ngoài:.....
- Số người lao động thuê lại (nếu có):.....; Tên đơn vị cho thuê lại lao động.
- Số người chưa được ký kết hợp đồng lao động, lý do:....?
- Số người lao động được tham gia quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc theo quy định:....?
- Số lao động bị mất việc làm từ đầu năm 2024 đến nay; Việc báo cáo Ban Quản lý trước khi cho nhiều người lao động mất việc làm (nếu có):

- Số lao động thôi việc từ đầu năm 2024 đến nay; số người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc và số tiền đã trả (nếu có).

2.3. Đối thoại, thương lượng, ký thỏa ước lao động tập thể (có/không).

- Tổ chức đối thoại trực tiếp tại nơi làm việc (Ghi rõ ngày tháng tổ chức):

- Tổ chức thương lượng tập thể (nếu có):

+ Ký kết TULĐTT ngày...

+ Gửi về Ban Quản lý ngày...

- Các nội dung có lợi hơn so với luật trong TULĐTT đã ký kết gồm:.....

2.4. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường.

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Số giờ làm thêm trường hợp cao nhất/ngày/tháng/năm.

- Việc thực hiện các quy định về nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương.

- Số ngày nghỉ hàng năm đối với lao động làm công việc bình thường; lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Tổng hợp báo cáo làm thêm giờ từ 200 đến 300 giờ/năm (nếu có):

2.5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng.

- Thu nhập thấp nhất, cao nhất, bình quân.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng (*theo thời gian, theo sản phẩm, khoán*).

- Xây dựng tiêu chuẩn để xếp lương, điều kiện nâng bậc lương.

- Xây dựng quy chế thưởng.

- Tiền lương làm việc vào ban đêm.

- Tổng hợp trả lương làm thêm giờ.

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm.

- Việc phạt tiền, trừ lương người lao động.

- Mức tiền ăn ca (*nếu có*).

3. Tình hình thực hiện các quy định về ATVSLĐ.

3.1. Công tác tổ chức triển khai, quản lý về ATVSLĐ.

- Xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch An toàn, vệ sinh lao động?

- Xây dựng văn bản phân cấp trách nhiệm cho các phòng, ban về công tác ATVSLĐ của đơn vị?

- Thành lập bộ máy quản lý về công tác An toàn lao động, vệ sinh lao động (người phụ trách công tác ATVSLĐ, công tác y tế; Phòng ATLĐ hoặc Hội đồng ATVSLĐ; Mạng lưới An toàn vệ sinh viên; Người làm công tác y tế): Quyết định thành lập, quy chế hoạt động?

- Xây dựng Phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp?

- Tổ chức tự kiểm tra ATVSLĐ; đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc?

- Quan trắc môi trường lao động: Hồ sơ vệ sinh môi trường lao động; Kết quả quan trắc môi trường lao động.

3.2. Công tác huấn luyện ATVSLĐ.

- Số người đã được huấn luyện ATVSLĐ: ? người. Trong đó:

- Người quản lý phụ trách công tác ATVSLĐ (Nhóm 1): ? người

- Người làm công tác ATVSLĐ (Nhóm 2): ? người

- Người làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ (Nhóm 3): ? người.

- Số người lao động (Nhóm 4): ? người

- Người làm công tác y tế (Nhóm 5): ? người

- An toàn, vệ sinh viên (Nhóm 6): ? người

- Nội dung, chương trình huấn luyện đào tạo, hồ sơ giảng viên.

(Có giấy chứng nhận, thẻ ATVSLĐ, sổ theo dõi huấn luyện ATVSLĐ kèm theo, nội dung chương trình huấn luyện kèm theo).

3.3. Cấp phát các phương tiện bảo vệ cá nhân.

- Sổ theo dõi cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động? Sổ chưa được cấp phát:.....? lý do?

- Quy định về thời hạn sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân của đơn vị?

3.4. Hoạt động khám sức khỏe.

- Danh sách lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc độc hại, nguy hiểm, người lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi, người chưa thành niên.

- Tổng hợp số người lao động được khám sức khỏe trước khi bố trí làm việc:....?, khám sức khỏe định kỳ:....?, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp:....?, Khám định kỳ Bệnh nghề nghiệp:....?, Số người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc độc hại, nguy hiểm, người lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi, người chưa thành niên được khám sức khỏe theo quy định:.... ? , Số người lao động chưa được khám:....? lý do? (cung cấp sổ tổng hợp khám sức khỏe; Hồ sơ khám sức khỏe cá nhân người lao động; Hợp đồng, thanh lý khám sức khỏe)

- Hoạt động sơ cứu, cấp cứu: Văn bản thành lập lực lượng sơ cứu, cấp cứu; Trang bị phương tiện sơ cứu, cấp cứu; Huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc.

3.5. Công tác quản lý sử dụng, kiểm định, khai báo các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Sổ theo dõi thiết bị; tổng số máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động:...?, số máy, thiết bị đã được kiểm định:...?, Số chưa kiểm định:...?, lý do ?

- Ban hành nội quy, quy trình vận hành?

- Số lượng máy móc thiết bị đã được kiểm định, hồ sơ đính kèm

- Số máy, thiết bị đã khai báo sử dụng với Sở Lao động Thương binh và Xã hội và UBND các quận, huyện, thị xã:...?, Số máy, thiết bị chưa khai báo sử dụng:....?, lý do?

- Sổ theo dõi công tác bảo dưỡng và sửa chữa các máy, thiết bị?

- Bảng nghề, chứng chỉ nghề của người vận hành các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động?

3.6. Công tác phòng chống cháy nổ

- Thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu PCCC đối với các hạng mục công trình xây dựng của DN;

- Phương án PCCC và CNCH đã được phê duyệt;

- Quyết định thành lập Đội PCCC cơ sở và danh sách kèm theo, Giấy chứng nhận huấn luyện về PCCC và CNCH

- Trang thiết bị phục vụ công tác PCCC và CNCH

- Biên bản kiểm tra PCCC và CNCH gần nhất của cơ quan Công an

4. An toàn vệ sinh thực phẩm.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa điểm kinh doanh của nhà thầu bếp ăn tập thể của Công ty.

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP do Chi cục ATTP cấp.

- Hợp đồng cung cấp suất ăn tập thể giữa nhà thầu và công ty.

- Biên bản kiểm tra gần nhất của Chi cục an toàn thực phẩm Hà Nội.

- Biên bản kiểm tra, giám sát của DN đối với nhà cung cấp

5. Nhận xét, kiến nghị của doanh nghiệp.

- Những ý kiến vướng mắc, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khi thực hiện các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực trên,

- Kiến nghị đối với quản lý nhà nước (nếu có).

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

DANH MỤC HỒ SƠ, TÀI LIỆU CẦN CHUẨN BỊ VÀ CUNG CẤP

(Kèm theo Đề cương báo cáo và chuẩn bị tại buổi kiểm tra)

I. Về lĩnh vực Đầu tư.

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Giấy chứng nhận đầu tư (gần nhất) hoặc giấy tờ tương đương;
3. Báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc tài liệu tương đương;
4. Chấp hành chế độ báo cáo của Công ty (Quý, Tháng, Năm) trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của Luật ĐT (Điều 72);
5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất/Hợp đồng thuê nhà xưởng;

II. Về lĩnh vực Xây dựng và Môi trường.

*** Về Xây dựng:**

1. Các Quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, quyết định thành lập khu công nghiệp;
2. Báo cáo nghiên cứu khả thi, bản vẽ quy hoạch chi tiết...;
3. Thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu PCCC đối với các hạng mục công trình xây dựng của DN;
4. Phương án PCCC và CNCH đã được phê duyệt;
5. Quyết định thành lập Đội PCCC cơ sở và danh sách kèm theo, Giấy chứng nhận huấn luyện về PCCC và CNCH;
6. Biên bản kiểm tra PCCC và CNCH gần nhất của cơ quan Công an.

*** Về Môi trường:**

1. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án và các biện pháp bảo vệ môi trường (theo mẫu Phụ lục II).
5. Quyết định phê duyệt ĐTM và kèm theo Báo cáo ĐTM, các văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ĐTM (nếu có).
6. Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (nếu có).
7. Sổ đăng ký nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định (nếu có).
8. Giấy phép môi trường (nếu có).
9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022, 2023.
10. Hóa đơn thu tiền sử dụng nước sạch (3 tháng gần nhất).
11. Sơ đồ mặt bằng hệ thống thoát nước mưa, nước thải.
12. Bản vẽ hoàn công của Trạm xử lý nước thải, nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải (nếu có).
13. Bản vẽ hoàn công của hệ thống xử lý khí thải, quy trình vận hành (nếu có).
14. Hợp đồng thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt,...; chứng từ thu gom, biên bản bàn giao chất thải.
15. Hợp đồng đấu nối, xử lý nước thải vào KCN
16. Các biên bản kiểm tra, kết luận kiểm tra, thanh tra trước đây, Quyết định xử phạt hành chính (nếu có) liên quan đến công tác bảo vệ môi trường (02 năm gần nhất).

17. Các hồ sơ, giấy tờ liên quan khác (nếu có): Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, Giấy phép khai thác và sử dụng nguồn nước dưới đất, Giấy phép xây dựng; Giấy chứng nhận thẩm duyệt/nghiệm thu phòng cháy chữa cháy.

III. Về lĩnh vực Lao động.

1. Danh sách trích ngang người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp. Sổ theo dõi lao động.

2. Báo cáo định kỳ tình hình thay đổi về lao động 06 tháng và hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động; báo cáo định kỳ về sử dụng lao động nước ngoài. Báo cáo kết quả sxkd 06 tháng và cả năm (năm gần nhất).

3. Báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động, an toàn, vệ sinh lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý về lao động.

4. Hợp đồng lao động (mỗi loại 03 bản). Hồ sơ 02 cá nhân (lưu đầy đủ từ khi tuyển dụng)

5. Thang lương, bảng lương, quy chế trả lương, thưởng.

6. Bảng thanh toán lương tháng tháng gần nhất.

7. Thông báo nộp tiền bảo hiểm xã hội của cơ quan bảo hiểm xã hội (tháng gần nhất). Danh sách người chưa tham gia/không đóng BHXH.

8. Báo cáo, tổng hợp làm thêm giờ (tháng và năm gần nhất). Báo cáo việc thực hiện làm thêm giờ 200-300h/năm (có/không, nếu có lập danh sách).

9. Giấy phép lao động người nước ngoài. Thẻ tạm trú.

10. Danh sách lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (lập danh sách ghi theo các mục: họ tên, năm vào làm việc, chức danh nghề, bộ phận).

11. Danh sách lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (lập danh sách ghi theo các mục: họ tên, năm vào làm việc, chức danh nghề, bộ phận).

12. Kế hoạch, biện pháp an toàn, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động hằng năm.

13. Quyết định thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở (nếu có).

14. Nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

15. Kết quả quan trắc môi trường lao động.

16. Sổ theo dõi, cấp cứu tai nạn lao động.

17. Sổ cấp phát thuốc năm của bộ phận y tế (nếu có).

18. Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ. Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp.

19. Sổ theo dõi cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân.

20. Hồ sơ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động gồm: Sổ theo dõi huấn luyện an toàn lao động, danh sách lao động được huấn luyện, bài giảng, năng lực giảng viên, bài kiểm tra, sát hạch, chứng chỉ, chứng nhận được cấp và hợp đồng kinh tế với tổ chức dịch vụ huấn luyện để tổ chức huấn luyện (nếu có).

21. Hồ sơ các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, gồm: danh sách, lý lịch máy, thiết bị, biên bản kiểm định, phiếu kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

22. Biên bản điều tra tai nạn lao động (nếu có); chứng từ chi trả các chế độ cho người bị tai nạn lao động (nếu có).
23. Nội quy lao động của doanh nghiệp.
24. Thỏa ước lao động tập thể. Nghị quyết hội nghị NLD.
25. Hồ sơ kỷ luật lao động: Quyết định xử lý kỷ luật, biên bản vụ việc.
26. Hồ sơ về thuê lại lao động (nếu có): Danh sách NLD thuê lại, hợp đồng thuê lại, hồ sơ chứng minh năng lực các nhà cung cấp/cho thuê lại lao động.
27. Các hồ sơ khác chứng minh việc thực hiện các nội dung theo Đề cương báo cáo của doanh nghiệp./.